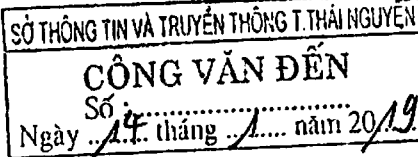


Số: **4160** /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **18** tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Giao biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2019



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 1896/QĐ-BNV ngày 17/8/2018 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2019;

Căn cứ Công văn số 5931/BNV-TCBC ngày 04/12/2018 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019 của tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc giao biên chế công chức hành chính, quyết định biên chế sự nghiệp và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của tỉnh Thái Nguyên năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2019, như sau:

1. Tổng số biên chế công chức hành chính: **2.008** biên chế. Phân bổ như sau:

a) Cấp tỉnh: 1.151 biên chế.

b) Cấp huyện: 857 biên chế.

2. Tổng số biên chế sự nghiệp: **26.216** biên chế. Phân bổ như sau:

a) Cấp tỉnh: **8.890** biên chế, bao gồm:

- Biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 2.826 biên chế.
- Biên chế sự nghiệp y tế: 4.813 biên chế.
- Biên chế sự nghiệp văn hoá, thông tin - thể thao: 326 biên chế.
- Biên chế sự nghiệp khác: 925 biên chế.

b) Cấp huyện: **17.326** biên chế, bao gồm:

- Biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 16.665 biên chế.
- Biên chế sự nghiệp văn hoá, thông tin - thể thao: 145 biên chế.
- Biên chế sự nghiệp khác: 516 biên chế.

3. Tổng số hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: **523** hợp đồng.
Phân bổ như sau:

a) Cấp tỉnh: 428 hợp đồng. Trong đó:

- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các cơ quan hành chính: 186 hợp đồng.

- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp: 242 hợp đồng.

b) Cấp huyện: 95 hợp đồng.

- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các cơ quan hành chính: 39 hợp đồng.

- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp: 56 hợp đồng.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao biên chế, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và tại các hội có tính chất đặc thù thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2019, như sau:

1. Tổng số biên chế tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và tại các hội có tính chất đặc thù: **110** biên chế. Phân bổ như sau:

- Biên chế tại hội có tính chất đặc thù: 73 biên chế.

- Biên chế tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: 37 biên chế.

2. Tổng số hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và tại các hội có tính chất đặc thù: **11** hợp đồng. Phân bổ như sau:

- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại hội có tính chất đặc thù: 08 hợp đồng.

- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: 03 hợp đồng.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm quản lý, sử dụng biên chế và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được giao theo đúng quy định.

2. Giao Giám đốc Sở Tài chính hướng dẫn và bố trí kinh phí đáp ứng biên chế, hợp đồng được giao đối với các cơ quan, đơn vị kể từ ngày 01/01/2019 (trừ biên chế và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên).

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *l*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - TT Tỉnh ủy;
 - TT HĐND tỉnh;
 - CT và các PCT UBND tỉnh;
 - Sở Nội vụ (2b);
 - Sở Tài chính (2b);
 - Kho bạc Nhà nước tỉnh;
 - LĐVP: Đ/c Trưởng, Đ/c Tôn;
 - Lưu: VT, NC, HCTC, QTTV.
- Taint\QuyếtĐinh.68b. *l*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Hồng Bắc

PHỤ LỤC 20

CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH, BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP VÀ HỢP ĐỒNG NĂM 2019

của Sở Thông tin và Truyền thông

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4160/QĐ-UBND ngày 28/12/2018
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

| | |
|---|-----------|
| Tổng số: | 56 |
| Trong đó: | |
| - Biên chế công chức hành chính | 29 |
| - Biên chế sự nghiệp khác | 20 |
| - Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại cơ quan hành chính | 3 |
| - Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại đơn vị sự nghiệp | 4 |